

# CẢI TIẾN PHƯƠNG ÁN TÍNH ĐIỂM CÁC MÔN HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO Ở ĐẠI HỌC

## IMPROVING THE METHOD OF CALCULATING GRADE POINT AVERAGES FOR COURSES TO CONTRIBUTE TO RAISING THE HIGHER EDUCATION TRAINING QUALITY

NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*

NGUYỄN QUANG LẠC – HÀ VĂN HÙNG

*Trường Đại học Vinh*

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sự khác nhau giữa các phương án tính điểm trung bình môn học hiện nay. Qua đó đề xuất phương án tính điểm trung bình môn học sao cho đảm bảo được tính chính xác, khách quan, tin cậy, và có tác dụng thúc đẩy hoạt động dạy và học ở đại học ngày càng tốt hơn.

### ABSTRACT

This study investigates the difference between the current calculations of average point scores for courses. It also suggests methods of calculating the grade point averages to ensure exactness, objectiveness, confidence and to promote the learning and teaching activities in universities.

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của sinh viên (SV) là một khâu có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, là một yêu cầu thực tiễn của giáo dục đại học hiện nay. Mục đích cao nhất là tác dụng tích cực, ảnh hưởng thúc đẩy hoạt động dạy và học ngày càng tốt hơn. Do đó điểm của môn học (MH) ở cuối học kỳ (HK) phải phản ánh trung thực được kết quả (KQ) của quá trình nghiên cứu học tập MH đó, đồng thời KQ đó phải đảm bảo được tính chính xác, khách quan và tin cậy. Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu các phương án (PA) tính điểm MH với KQHT của SV.

1. Trước khi xem xét các PA tính điểm trung bình (ĐTB) của MH, chúng ta nghiên cứu công thức (CT) tính ĐTB chung học tập ở mỗi HK : [1,9]

$$X = \frac{\sum_{i=1}^N n_i a_i}{\sum_{i=1}^N n_i} \quad (1)$$

Trong đó  $a_i$  là điểm thi kết thúc MH (học phần) thứ  $i$ ,  $n_i$  là số đơn vị học trình (ĐVHT) thứ  $i$ ,  $N$  là số MH đã học. Ưu điểm chính của CT (1) đã thể hiện được trọng số của MH thông qua hệ số  $n$  là ĐVHT của MH đó.

Nhưng điểm kiểm tra định kỳ cứ sau mỗi ĐVHT chỉ là điều kiện để dự thi kết thúc môn học, không được tính vào ĐTB của môn học. Nếu điểm kiểm tra đánh giá (KTGD) mà không tính vào ĐTB chung, dẫn đến việc KTGD chiếu lệ, không thông xuyên, không hệ thống... và sẽ không có điều kiện cụ thể để giúp đỡ SV uốn nắn kịp thời những sai sót, làm hạ thấp sự hứng thú, tích cực học tập của SV. Tâm lý chung của SV thông thường tập trung đối phó với kỳ thi

cuối HK, xem nhẹ quá trình tự học, tự rèn luyện, từ đó mà lan tràn tình trạng học tủ, học vẹt, trông chờ may rủi.

2. Nhằm đạt đ- ợc mục đích nghiên cứu, ph- ong pháp KTĐG định kỳ bằng trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận đ- ợc dùng để thu thập số liệu. Thục nghiệm s- phạm đ- ợc tiến hành trên 14 lớp SV năm thứ 1, khoá 99 của Tr- ờng Đại học Bách khoa (ĐHBK) Đà Nẵng. Tất cả SV đang học vật lý (VL) đại c- ơng 1 gồm: Cơ học (34 tiết), Nhiệt học (15 tiết) và Điện học (26 tiết), do 3 giảng viên lâu năm giảng dạy trên cùng một giáo trình, một đề c- ơng chung. Số SV trong nghiên cứu đ- ợc chia làm 3 nhóm. Nhóm (1) (4 lớp = 182 SV), không đ- ợc KTĐG định kỳ đ- ợc chọn làm nhóm đối chứng, chỉ học theo ch- ơng trình đến cuối HK mới thi. Nhóm (2) (6 lớp = 260 SV) đ- ợc KTĐG định kỳ 3 lần, sau khi học hết mỗi học phần Cơ học, Nhiệt học, Điện học. Nhóm (3) (4 lớp = 150 SV) đ- ợc KTĐG 4 lần, cứ sau mỗi ĐVHT, nhóm (2) và nhóm (3) đ- ợc chọn làm nhóm thực nghiệm.

3. Hiện nay, ở các tr- ờng ĐH của ta ch- a có CT tính ĐTB của MH trong một HK, để phục vụ cho việc nghiên cứu chúng tôi đề xuất ph- ong án tính ĐTB môn vật lý ở cuối HK, ký hiệu là  $TBVL_o$  nh- sau:

$$TBVL_o = (\text{ĐTB các lần kiểm tra} + \text{Điểm thi Lý kỳ 1})/2 \quad (2)$$

Cụ thể đối với nhóm (2):

$$TBVL_o = [(C\text{ơ 1} + \text{nhiệt} + \text{điện})/3 + \text{Điểm thi Lý kỳ 1}]/2$$

Nhóm (3):  $TBVL_o = [(C\text{ơ 1} + C\text{ơ 2} + \text{nhiệt} + \text{điện})/4 + \text{Điểm thi Lý kỳ 1}]/2$

Nếu dùng CT (2) để tính ĐTB môn VL ở cuối HK 1 ký hiệu là  $TBVL_o$  cho SV ở các nhóm (2) và (3), lấy  $TBVL_o$  thay cho điểm thi môn VL học kỳ I (Lyky1) để tính ĐTB chung học tập cuối HK1 theo công thức (1) cho nhóm (2) và (3) đ- ợc ký hiệu là  $TBKY1_o$ . Nếu lấy Lý kỳ 1 để tính ĐTB chung học tập của HK1 theo CT (1) cho nhóm (2) và (3) đ- ợc ký hiệu là  $TBKY1$ .

Còn nhóm (1) không đ- ợc KTĐG định kỳ, chỉ có một con điểm là Lý kỳ 1, và lấy Lý kỳ 1 để tính ĐTB chung học tập cuối HK 1 theo CT (1), cũng dùng ký hiệu là  $TBKY1$ .

4. Các số liệu đ- ợc xử lý và phân tích bằng ph- ong pháp (PP) thống kê định l- ợng với trợ giúp của phần mềm SPSS. Theo ngôn ngữ thống kê, mối liên hệ giữa  $LYKY1$ ,  $TBKY1$ ,  $TBVL_o$ ,  $TBKY1_o$  đ- ợc đo bằng hệ số t- ơng quan (HSTQ) pearson r. (SD: Độ lệch chuẩn), (điểm thi các môn học lấy từ Phòng Đào tạo của Tr- ờng ĐHBK Đà Nẵng)

Bảng 1: Điểm  $LYKY1$ ,  $TBKY1$ ,  $TBVL_o$ ,  $TBKY1_o$  của 3 nhóm

Điểm	Nhóm (1)		Nhóm (2)		Nhóm (3)	
	ĐTB	SD	ĐTB	SD	ĐTB	SD
LYKY1	4,621	1,181	5,257	1,236	6,020	1,228
TBKY1	5,223	0,768	5,503	0,854	5,888	0,779
$TBVL_o$			5,062	1,036	5,885	1,029
$TBKY1_o$			5,449	0,805	5,843	0,744

Bảng 2: HSTQ giữa điểm TBLY1, TBKY1<sub>o</sub> với các môn học ở HK1

Nhóm	Điểm	TBVL <sub>o</sub>	LYKY1	TOANI	TINI	KTCT1	MTRUONG1	N.NGUI
(1)	TBKY1		0,731	0,546	0,638	0,542	0,415	0,525
(2)	TBKY1	0,433	0,602	0,444	0,642	0,532	0,491	0,564
	TBKY1 <sub>o</sub>	0,511	0,462	0,480	0,659	0,553	0,529	0,608
(3)	TBKY1	0,432	0,572	0,472	0,686	0,476	0,412	0,527
	TBKY1 <sub>o</sub>	0,508	0,417	0,532	0,700	0,530	0,491	0,577

Qua bảng 1, nếu lấy TBVL<sub>o</sub> thay cho điểm LYKY1 để tính ĐTB chung ở cuối HK1 (TBKY1<sub>o</sub>) thì điểm TBKY1 và TBKY1<sub>o</sub> khác nhau đáng kể.

Từ các kết quả ở bảng 2 cho thấy: Nếu lấy TBVL<sub>o</sub> thay cho điểm LYKY1 để tính ĐTB chung ở cuối HK 1 theo CT (1) thì HSTQ giữa TBKY1<sub>o</sub> với các MH khác ở HK 1 đều lớn hơn HSTQ của TBKY1 với các MH ở HK 1. Điều đó nói lên rằng điểm LYKY1 ch- a phản ánh đ- ọc đầy đủ kết quả rèn luyện học tập môn VL của SV. Kỳ thi lý cuối HK 1 có tổ chức cẩn thận, chu đáo cũng ch- a đủ độ tin cậy, độ giá trị để đánh giá KQHT của SV trong cả một HK. Vậy ta nên lấy điểm TBVL<sub>o</sub> tính theo CT (2) để tính ĐTB môn VL ở HK 1 thay cho việc chỉ lấy điểm thi LYKY1 để tính ĐTB môn VL cho cả HK 1.

### 5. Xem xét một số PA khác để tính ĐTB môn VL và ĐTB chung học tập ở cuối HK.

- Ph- ơng án tính ĐTB d- ối đây là dựa theo cách tính ĐTB MH ở phổ thông trung học hiện nay, ký hiệu là: TBVL<sub>1</sub> [2; 54 - 56]

$$TBVL_1 = [(\text{ĐTB các lần kiểm tra}) \times 2 + \text{Điểm thi Lý kỳ 1}] / 3 \quad (3)$$

Nếu dùng CT (3) tính ĐTB cho môn VL ở cuối HK 1 ký hiệu là TBVL<sub>1</sub>, lấy TBVL<sub>1</sub> thay cho LYKY1 để tính ĐTB chung học tập cuối HK1 theo CT (1) cho nhóm (2) và (3) đ- ọc ký hiệu là TBKY1<sub>1</sub> (coi trọng KTĐG th- ờng xuyên)

- Ph- ơng án tính ĐTB môn học d- ối đây là dựa theo PA tính ĐTB môn học cuối HK ở một số ít tr- ờng Đại học hiện nay, ký hiệu là TBVL<sub>2</sub>.

$$TBVL_2 = [\text{ĐTB các lần kiểm tra} + (2 \times \text{Điểm thi Lý kỳ 1})] / 3 \quad (4)$$

Nếu lấy CT (4) tính ĐTB môn VL ở cuối HK 1 ký hiệu là TBVL<sub>2</sub>, lấy TBVL<sub>2</sub> thay cho LYKY1 để tính ĐTB chung học tập cuối HK 1 theo CT (1) cho nhóm (2) và (3), đ- ọc ký hiệu là TBKY1<sub>2</sub> (coi trọng thi kết thúc HK)

Bảng 3: Điểm trung bình TBVL<sub>1</sub>, TBKY1<sub>1</sub>, TBVL<sub>2</sub>, TBKY1<sub>2</sub> của nhóm 2 & 3

Điểm	Nhóm (2)		Nhóm (3)	
	ĐTB	SD	ĐTB	SD
TBVL <sub>1</sub>	4,995	1,056	5,800	1,037
TBKY1 <sub>1</sub>	5,431	0,804	5,827	0,746
TBVL <sub>2</sub>	5,128	1,055	5,910	1,076
TBKY1 <sub>2</sub>	5,468	0,814	5,858	0,749

Bảng 4: HSTQ của ĐTB chung cuối HK tính theo các PA với điểm các môn ở HK 1

Nhóm	Điểm	TOANI	TINI	KTCT1	M.TRUONG1	N.NGU1
(2)	TBKY1	0,444	0,642	0,538	0,491	0,584
	TBKY1 <sub>0</sub>	0,480	0,659	0,553	0,529	0,608
	TBKY1 <sub>1</sub>	0,424	0,658	0,546	0,533	0,606
	TBKY1 <sub>2</sub>	0,432	0,656	0,555	0,522	0,606
(3)	TBKY1	0,472	0,686	0,476	0,412	0,527
	TBKY1 <sub>0</sub>	0,532	0,700	0,530	0,491	0,577
	TBKY1 <sub>1</sub>	0,537	0,693	0,533	0,505	0,561
	TBKY1 <sub>2</sub>	0,521	0,683	0,523	0,474	0,569

Số liệu bảng 4 về HSTQ giữa các PA tính ĐTB chung học tập ở cuối HK 1 với các MH ở HK 1 ta nhận xét:

- Nếu lấy điểm TBVL<sub>0</sub> thay cho LYKY1 để tính ĐTB chung TBKY1<sub>0</sub> thì HSTQ giữa TBKY1<sub>0</sub> với các MH ở HK1 đều lớn hơn HSTQ của TBKY<sub>1</sub> với MH ở HK1.

- Nếu lấy điểm TBVL<sub>1</sub>, TBVL<sub>2</sub> thay cho LYKY1 để tính ĐTB chung TBKY1<sub>1</sub>, TBKY1<sub>2</sub> thì HSTQ giữa TBKY1<sub>1</sub>, TBKY1<sub>2</sub> với các MH ở HK1 khác nhau không đáng kể so với HSTQ của TBKY1<sub>0</sub> với các môn khác ở HK1.

## 6. Kết luận

Theo CT (1) để tính ĐTB chung ở mỗi HK, thì điểm của MH sau một HK chỉ dựa trên căn cứ duy nhất là điểm số của bài thi cuối mỗi HK, ch- a nói về chất l- ợng của kỳ thi này, chỉ riêng việc dựa vào một thông số nói trên thì không thể phản ánh đ- ợc đầy đủ chính xác, khách quan KQ của một quá trình rèn luyện học tập của SV trong cả một HK. □ những n- ớc có nền GDĐH phát triển, và tại các lớp "Kỹ s- chất l- ợng cao" của tr- ờng ĐHBKĐN, ngoài kỳ thi cuối HK thực hiện một cách khoa học, ng- ời ta sử dụng phối hợp nhiều ph- ơng pháp (PP) KTĐG định kỳ và còn căn cứ vào điểm của tất cả các đợt KTĐG trong HK. Đây là các điểm số khá ổn định, vì đ- ợc tích lũy trong quá trình rèn luyện học tập khá dài của SV trong suốt một HK, việc dựa vào nhiều điểm số, chứ không phải một điểm số, sẽ phản ánh đ- ợc chính xác KQHT của SV. Với ý t- ờng nh- vậy trên cơ sở PP phân tích thống kê, và kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề nghị áp dụng PP tính ĐTB môn học theo công thức (2) thay cho việc chỉ lấy điểm thi Lý kỳ 1 để tính ĐTB chung học tập ở cuối mỗi HK theo công thức (1).

\* Qua bảng 1, và các kết quả nghiên cứu tr- ớc đây [4], các nhóm lớp đ- ợc KTĐG định kỳ theo hình thức trắc nghiệm phối hợp với tự luận có kết quả học tập tốt hơn hẳn nhóm lớp không đ- ợc KTĐG định kỳ.

\* Theo các nhà giáo dục thì bất kỳ một kỳ thi riêng lẻ nào, dù quan trọng đến đâu, cũng không đủ độ tin cậy, giá trị để đánh giá kết quả rèn luyện học tập của SV trong một HK hay một khoá học. Do đó ĐTB của từng MH phải tính điểm của tất cả các lần kiểm tra trong HK và điểm thi HK của môn đó.

\* Điểm của các bài KTĐG định kỳ phải đ- ọc tính vào ĐTB của từng MH theo CT (2). Vì các bài KTĐG đ- ọc soạn thảo cẩn thận, đ- ọc xem nh- ph- ong tiện kiểm tra kiến thức kỹ năng của SV, đồng thời có thể xem nh- một cách diễn đạt mục tiêu giáo dục đòi hỏi SV phải đạt đ- ọc, nó có tác dụng định h- ớng PP học tập tích cực tự lực của SV. Mặt khác, nếu giảng viên biết dựa vào các bài KTĐG, tổ chức thảo luận một cách khoa học, đúng lúc có thể xem nh- một PP dạy học tích cực, giúp SV nắm đ- ọc nội dung bài học một cách sâu sắc, vững chắc, đồng thời giúp cho giảng viên đ- a ra các biện pháp điều chỉnh hoạt động dạy học cần thiết, thích hợp

Do đó ĐTB môn học phải tính đến ĐTB các lần KTĐG trong suốt HK cùng với điểm thi cuối HK môn học đó. Nh- vậy mới đảm bảo đ- ọc việc nâng cao chất l- ượng giáo dục đào tạo ở ĐH.

Ngoài kết quả dựa vào thực nghiệm, chúng tôi đề nghị PA tính ĐTB môn VL theo CT (2) còn dựa trên cách tính ĐTB của từng MH của "Ch- ơng trình đào tạo kỹ s- chất l- ượng cao PFIEV" theo h- ớng dẫn số 4677/ĐH của BGD và ĐT [3].

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Qui chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho các hệ Đại học và Cao đẳng chính qui*, Ban hành theo QĐ 04/1999/QĐ-BGD & ĐT, 1999.
- [2] Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc, *Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Đề tài KX 07 – 08, Hà Nội, 1995.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn số 4667/ĐH của Bộ GD và ĐT về cách tính điểm trung bình cho các môn học của chương trình đào tạo KSCLC – PFIEV*, 1999.
- [4] Nguyễn Bảo Hoàng Thanh, *Đánh giá định kỳ ở lớp học và thành tích học tập của các lớp SV*, TC ĐH và GDCN, 2001 (3) tr 23, 24, 2001.
- [5] Nguyễn Bảo Hoàng Thanh, *Luận án Tiến sĩ Giáo dục*, Vinh, 2003.